

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2026/DS-ST

Ngày: 14/9/2026

*“V/v tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Huỳnh Ngọc Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 700/2026/TLST-DS ngày 20/7/2026, về việc *“Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2026/QĐXXST-DS ngày 10/8/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 494/2026/QĐST-DS ngày 27/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Quốc P, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: 1/ Ông Võ Quốc T, sinh năm 1981 (có mặt)

CCCD số: 087081018264

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

CCCD số: 087180013314

Địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Quốc P trình bày:

Ngày 10/9/2020, vợ chồng ông Võ Quốc T, bà Đỗ Ngọc H có vay của bà P 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận là 06 tháng, vay tiền để làm vốn đầu tư vườn xoài.

Khi vay ông T có viết biên nhận, bà H có viết thêm tờ xác nhận bảo lãnh.

Sau khi vay, ông T có đóng lãi như thỏa thuận được 3 tháng là 2.700.000 đồng thì không đóng nữa, bà P điện thoại cho ông T, bà H không được, bà P có gặp ông T, bà H nhiều lần, nhưng chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Khi đến vườn xoài thì biết không phải vườn xoài của ông T mà của chị ông T.

Khoảng đầu năm 2025, bà P bị tai nạn giao thông nặng, ông T có đưa thêm cho bà P được 1.000.000 đồng rồi không trả thêm.

Nay bà P yêu cầu cá nhân ông T trả cho bà P số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định là 1,66%/tháng và thời gian tạm tính từ ngày 10/9/2020 đến ngày 10/9/2026 là 67 tháng = $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/1 \text{ tháng} \times 72 \text{ tháng} = 35.856.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là: 65.856.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong số nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng, đồng ý giảm trừ số tiền lãi tính tròn là 30.000.000 đồng. Tổng cộng chỉ yêu cầu ông T trả số tiền vốn 30.000.000 đồng + lãi 30.000.000 đồng = 60.000.000 đồng.

Lí do yêu cầu chỉ một mình ông T trả vì ông T trực tiếp viết biên nhận, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

Bà P xin rút lại yêu cầu buộc bà H liên đới với ông T trả nợ cho bà P, vì bà H không có ký tên biên nhận.

** Bị đơn ông Võ Quốc T trình bày:*

Việc vay mượn này do vợ ông là bà Đỗ Ngọc H kêu ông làm biên nhận vay, vay tiền của bà P để làm ăn. Bà H đã đóng lãi cho bà P rất nhiều (6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), đến khoảng 01 năm nay mới ngưng do không đóng nổi. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho bà P. Do đó, ông thống nhất trả số tiền 60.000.000 đồng (vốn 30.000.000 đồng + lãi 30.000.000 đồng) cho bà P.

* Bị đơn bà Đỗ Ngọc H vắng mặt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc và lãi. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H liên đới với ông T trả số tiền vay. Ghi nhận sự tự nguyện

của ông T trả cho bà P số tiền vốn 30.000.000 đồng + lãi 30.000.000 đồng. Tổng cộng: 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng bà H không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Ngọc H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà P xin rút lại yêu cầu buộc bà H liên đới với ông T trả số tiền vay cho bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Đỗ Ngọc H liên đới với ông Võ Quốc T trả số tiền vay còn thiếu cho bà P.

[2.2] Xét yêu cầu của bà P yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc còn thiếu là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T thống nhất trả số tiền vốn và lãi tổng cộng 60.000.000 đồng cho bà P.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp Điều 212, 235 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích trên, nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông T có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 60.000.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng.

Bà P không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 212, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*"; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Võ Quốc T đồng ý trả cho bà Lê Thị Quốc P theo yêu cầu của của bà Lê Thị Quốc P số tiền vốn vay còn thiếu là 30.000.000 đồng + tiền lãi là 30.000.000 đồng. Tổng cộng: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Quốc P về việc yêu cầu bà Đỗ Ngọc H liên đới với ông Võ Quốc T trả số tiền vay còn thiếu cho bà P

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Quốc T phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Quốc P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí của bà P.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV6;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- THADS Tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng